TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2021/HS-ST
Ngày: 23 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Qúy.

2/ Bà Trịnh Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 đối với:

***** Bị cáo TRIỆU THỊ T – Sinh ngày 01 tháng 8 năm: 1982, tại: Cao Bằng; Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Ngọc S – sinh năm 1952 và bà Hoàng Thị Q – sinh năm 1957; chồng: Anh Nông Văn L – Sinh năm 1978; Con: có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền sự, tiền án: không.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. "*Có mặt*".

***Bị hại**: Ông Sầm Văn N – Sinh năm 1966

Địa chỉ: TDP 8, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. " Có mặt".

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Chị Sầm Thị H – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: TDP 8, TT Đ, huyện Đ, Lâm Đồng. "Có đơn xin vắng mặt".

***Người làm chứng**: Bà Nguyễn Thị M – Sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn 10, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 6/12/2020 gia đình ông Sầm Văn N tổ chức tiệc cưới cho con gái là Sầm Thị H tại nhà ở TDP 8A, TT. Đ và mời anh em, họ hàng, bạn bè đến dự

(*khoảng 220 người*). Những người đến dự đám cưới có gửi phong bì tiền chúc mừng đám cưới và bỏ vào thùng tiền (quả tráp) đặt trước cổng đón khách. Triệu Thị T là cháu gọi ông N bằng cậu và được gia đình ông N mời đến dự đám cưới chị H. Khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi ăn tiệc xong, T đi vào phòng của vợ chồng ông N thì thấy bà Nguyễn Thị B (vợ ông N) cùng một số người đang xếp lại phong bì tiền mừng cưới, thấy vậy T cũng vào phụ sắp xếp. Sau đó T thấy bà B bỏ toàn bộ số phong bì tiền mừng cưới vào 01 bịch nilon màu trắng và để vào trong tủ tôn đựng quần áo ở góc phòng, không khóa mà chỉ khép cánh cửa tủ lại rồi đi ra ngoài thì nảy sinh ý định trộm cắp số tiền mừng cưới đó. T tiếp tục ra ngoài ngồi chơi thêm một lúc nữa rồi quay lại thì thấy không có ai trong phòng. T mở cửa tủ, lấy bịch nilon đựng phong bì tiền mừng đám cưới rồi cởi áo khoác của mình ra bọc túi nilon lại và ôm ra ngoài, bỏ vào trong cốp chiếc xe môtô hiệu Future biển kiểm soát 49M1-202.05 rồi điều khiển xe chở con gái về nhà ở TDP 10, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau đó, T điều khiển xe đến TDP 4D – TT. Đ để mua thuốc trừ sâu, nhưng không có tiền nên T mở cốp xe, bóc 01 (*một*) phong bì mừng cưới ra thì thấy có 03 tờ mệnh giá 100.000 đồng, tổng cộng 300.000đồng T mua thuốc trừ sâu hết 280.000 đồng, còn 20.000đồng T cất vào túi áo khoác rồi đi về nhà và cùng chồng *(anh Nông Văn L)* đi bộ ra ruộng bí ở phía sau nhà để đi phun thuốc trừ sâu. Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, T về nhà lấy chiếc xe môtô biển kiểm soát 49M1-202.05 đi đến ruộng bí khác của gia đình thuộc TDP 10, TT Đ tiếp tục phun thuốc trừ sâu, sau khi phun xong, T nhìn xung quanh thấy không có ai nên đã mở cốp xe rồi lấy bịch nilon đựng phong bì tiền trộm cắp được ra bóc và đếm được: 41 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng=20.500.000 đồng; 114 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng = 22.800.000 đồng; 117 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng = 11.700.000 đồng và 06 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng = 300.000 đồng. Tổng cộng là 55.300.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu, ba trăm ngàn đồng*). T xếp và lấy trong túi áo khoác ra 03 sợi dây thun màu vàng để buộc 40 tờ mệnh giá 500.000đồng, 100 tờ mệnh giá 200.000đồng và 100 tờ mệnh giá 100.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng rồi nhặt 01 hũ nhựa hình trụ tròn, trong suốt, cao 9,4m, nắp bằng nhựa màu đỏ đường kính 13cm để bỏ tiền vào trong và đậy nắp lại bỏ vào trong cốp xe, còn vỏ phong bì và túi nilon T dùng bật lửa đốt cháy. Sau đó, T điều khiển xe máy đi về vườn dâu sau nhà, lấy cuốc đào hố sâu 25cm, rộng 40cm rồi chôn hũ nhựa đựng tiền xuống, lấp đất lên rồi đi về nhà, còn số tiền 5.300.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng,14tờ tiền mệnh giá 200.000đồng,17 tờ tiền mệnh giá 100.000đồng và 6 tờ tiền mệnh giá 50.000đồng T mang vào nhà, để vào túi xách chung với số tiền có trước đó của T để chi tiêu trong gia đình. Tại Cơ quan điều tra, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác định số tiền trộm cắp của gia đình ông N là 55.600.000đồng (*Năm mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSĐT ngày 24/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Triệu Thị T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 15 (*Mười lăm*) tháng đến 18 (*Mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (*Ba mươi*) tháng đến 36 (*Ba mươi sáu*) tháng và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Sầm Văn N đã nhận lại tài sản 55.600.000đ và không yêu cầu bị can phải bồi thường gì thêm nên không đề cập.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản cáo trạng truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận: khoảng 12 giờ 30 phút ngày 6/12/2020, Triệu Thị T đã lén lút chiếm đoạt 01 *(một)* bịch nilon đựng phong bì mừng đám cưới bên trong có số tiền 55.600.000đ (*Năm mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng*) của gia đình ông Sầm Văn N. Qua lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ đã được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo T đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo T đã thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi ấy đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân. Không những vậy, hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì: Bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và bị cáo có bố là người có công cách mạng được tặng huy chương. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều

51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và bị cáo có con nhỏ bị bệnh thiểu năng trí tuệ bẩm sinh rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người hữu ích mà vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Sầm Văn N đã nhận lại tài sản 55.600.000đ và không yêu cầu bị can phải bồi thường gì thêm nên không đề cập.

[5] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu: 01 (một) hũ nhựa hình trụ tròn trong suốt, cao 9,4 cm, nắp bằng nhựa màu đỏ đường kính nắp hộp là 13cm, đường kính đáy hộp là 12,5 cm. Xét thấy, vật chứng trên không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp quy định .

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Thị T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Thị T 18 (*Mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (*Ba mươi sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hũ nhựa hình trụ tròn trong suốt, cao 9,4 cm, nắp bằng nhựa màu đỏ đường kính nắp hộp là 13cm, đường kính đáy hộp là 12,5 cm.

Vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 25/02/2021.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo

nội dung bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Công an huyện Đ;*
- *Bị cáo; Bị hại;*
- *Người có QL&NVLQ;*
- *Thi hành án dân sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Qúy **Nguyễn Thị Mỹ Diễm**

Trịnh Thị T